Việt ta sao lại muốn chết như thế này? Trạng từ kép *"muốn chết"*, để diễn tả, nhấn mạnh điểm gì đó, như: *cười muốn chết, buồn muốn chết, rẻ muốn chết, đẹp muốn chết, tức muốn chết, giận muốn chết, thương muốn chết,...* Thật tình mà nói thì chẳng ai muốn chết cả. Cái gì muốn chết ở đây nghe cũng xuông nhưng *thương muốn chết* hay *đẹp muốn chết* thì có vẻ nghẹn ngào sao đâu.

Cười thì lại có *Buồn cười, tức cười, mắc cười*. Rồi ta cũng có *bật cười, nực cười*, … Ngoài hai trạng từ *bật* và *nực*, các trạng từ khác buồn, tức, mắc, có phải do thổ ngữ ba miền hay không? *Buồn* miền bắc, *tức* miền Trung và *mắc* miền Nam. Điểm này không rõ.

Buồn lại sinh ra nhiều chuyện, *buồn ngủ, buồn nôn, buồn mửa, buồn tiểu, buồn ỉa*, buồn v…v… Buồn cười, tức cười, mắc cười các từ điển đều diễn là *drôle* tiếng Pháp, *funny* tiếng Anh.

Tức cười, xin đừng hiểu tức tối quá mà phải cười, tức dây là bị đè nén rồi phát cười. Ta có chữ *phát cười* nhưng không bằng chữ tức cười. Người Trung hay nói *tức muốn lòi con ngươi*. Nhưng sao tức cười? bởi vì hai chữ *tức* nghĩa không giống nhau.

Chữ tức như trong: *tức là, tức tối, tức tốc*, chữ nôm ta viết 即 hay 卽 đều là bộ tiết, Tức con dâu (tằm) viết 媳 bộ nữ, tin tức viết 息 bộ tâm. Tắt lửa viết 熄 bộ hoả. Trong dân

gian ta có các thành ngữ: *tức nước vỡ bờ, tức anh ách, tức bụng, tức tưởi, tức như bị bò đá*, rồi lại thêm các tiểu tiết như *tức tràn hông, tức cành hông, tức ứ gan, tức bể bụng*, …

Từ vựng *tức tưởi* thông dụng hay dính vào động từ *khóc* và trạng từ *nấc*. Khóc tức tưởi hay khóc nấc, pháp ngữ *sangloter,* anh ngữ *to sob*. Tưởi là một trợ từ trong tất tưởi, tức tưởi, chữ Nôm tưởi bộ xa viết 載, mượn âm hán tự 載 tái hay tải tromg cụm ký tái, ký tải, nghĩa là ghi chép. Trong tức tưởi, tưởi có thể là một phụ âm và tức nghĩa không hẳn là tức tối, mà có nghĩa *đè nén* như dẫn giải trên đây. Tức tưởi tượng hình thì ít tượng thanh thì nhiều.

Chữ Việt lại có nhiều cái tức, có các tự *tức thì, tức thời, tức thị*. Ngoại ngữ diễn *tức thời* tức thì là *instantanément, instantly, immédiatement, immediately, soudain, soudainement*, vv… Tiếng Trung viết thuấn gian 瞬間 *shùnjiān*, thuấn là nháy mắt gian là khoảng giữa. *Tức thị* không cùng nghĩa với tức thời hay tức thì, mà cùng nghĩa với *tức là*. Chữ thị ở đây mượn chữ Hán 是 *shì*. Có kẻ nói khóc tức tưởi là vì phẫn nộ 憤怒, phẫn và nộ là hai trùng ngữ đều có nghĩa giận dữ, cáu tức. Tôi nghĩ không hẳn đúng.

Cười tự Nôm bộ khẩu là 哂, trong khi chữ Hán *tiếu* 笑 viết theo bộ trúc.

Láng giềng Trung Hoa cũng không có các trạng từ sắc thái của tiếng Việt trong những từ ngữ nói trên, lại xin dùng các chữ *đặc thù đặc trưng* để định nghĩa tính *ẩn biến* của từ ngữ Việt.

Tiếng Trung viết cười là tiếu 笑, *trào tiếu* 嘲笑 là cười (giảo) cợt, *xi tiếu* 嗤笑 cười nhạo cười mỉa. Nguyễn Du viết *Địa hạ vô linh quỷ bối xi* dưới địa phủ đừng để cho lũ quỷ cười. Âm thanh cười *hi hi* tiếng Trung viết 嘻. Hồng lâu mộng: Bảo Ngọc tiếu hi hi, 寶玉笑嘻嘻 *bǎoyù xiàoxīxī…* Pha trò, đùa cợt, trào lộng là *điều tiếu*.

Mỉm cười là động từ rất tượng thanh của tiếng việt, *smile sourire*, và tượng hình qua chữ mỉm. Hán tự viết *Vi tiếu* 微笑 cũng tượng nghĩa rất hay, vốn nhờ chữ *vi*, là trốn dấu ẩn tàng, và cũng viết là *hoản nhĩ* 莞爾 để nói mỉm cười. Nghĩ xem vì tiếu là nụ cười đi trốn, dấu và ẩn tàng, không hiện hẳn là ngoài,

Ngoài ra tiếng Trung còn có *ám tiếu* 暗笑, *lãnh tiếu* 冷笑. Ám tiếu là nụ *cười ngầm, cười thầm*, cười kín đáo. Lãnh tiếu là cười thờ ơ dửng dưng. Thuở đi học chúng ta đều viết chính tả mà còn gọi là viết *ám tả* 暗寫. Tả là viết, sao chép, sao lục; ám tả *la dictée* là viết theo trí nhớ sau khi đọc hay nghe qua văn tự.

Chữ nôm viết mỉm là 嗖 bộ khẩu nhắc đến mỉm cười của La Joconde. Hán tự mạch 嗖 dùng cho chữ nôm mỉm không có nghĩa gì đặc sắc, chỉ là tượng âm.

Bây giờ ta xét lại các tự mắc, *mắc ỉa, mắc đái hay mắc dịch*, nhưng rồi sao lại mắc cười? Chữ mắc đây cũng hiểu như chữ *mót hay món*, món ỉa mót đái, ...

Chữ nôm mắc khác là, mắc 縸 cửi, khúc mắc 黓, mắc 默 nạn, … đều viết theo tự hình, và là dị thể.

Từ *mắc* ẩn dụ nghĩa tự phát *spontanéité* 自發. Và mắc cười ỷ y một hoạt cảnh, một hài hước. một hoạt kê, hay là một *phong thú*, thú là vui thích như trong lý thú, hứng thú.

Cốt kê hay hoạt kê là một loại ca khúc khôi hài sinh động lưu hành ở Thượng Hải, Hàng Châu, Tô Châu...

Mắc cười người Trung viết *hảo tiếu* 好笑, *khả tiếu* 可笑! Danh tự cười ở đây tiềm tàng một ý hay một hành động vui. Xem một phim hoạt kê mà mắc cười.

Một chữ sâu xa gọi là *nực cười*. Truyện Kiều có: *Làm chi những thói trẻ ranh nực cười.* Ca dao có: *Sự đời nghĩ cũng nực cười, Một con cá lội mấy người buông câu.* Trên Net Việt nam thấy ghi: Nực cười, *khó nhịn cười; đáng chê bai, laughable, ridiculous, laughter-provoking* Hành vi nực cười *a ridiculous behaviour.* Chuyện nực cười *A laughter-provoking story of shrimp paste.* Đỉnh cao trí tuệ nào đây chuyển ngữ kiểu này thì chết bà con lối xóm, nực cười mà nói là cười có mùi mắm tôm.

Vậy nực cười có ý nghĩa *cười chê bài, châm biếm* hay *mỉa mai*. Có lẽ từ cụm từ nực nội, ẩn ý *nóng nực* mà ra. Chữ nôm nực viết bộ khẩu, nấc hay nức. Chữ Hán có nộ 怒, trong cuồng nộ, phẫn nộ, nghĩa dận dữ, cáu tức, và cũng có chữ cuồng nộ 狂怒.

Ngậm cười, cười nụ 含笑 *hàm tiếu*. Chỉ đóa hoa chớm nở, một hình ảnh đẹp, đáng yêu quý; thế nhưng có một thành ngữ Tàu làm mất hết cái duyên dáng của nó. 倚門賣含笑 *ỷ môn mại hàm tiếu*. Dựa cửa mà bán nụ cười ý chỉ con gái làm nghề mại dâm.

Phần lớn tin tức trên nét nói Cười ruồi là *cười nhếc mép, khinh khi*; *smile inanely, laugh causelessly* diễn qua ngoại ngữ. Có thể không đúng. Trong phim Psycho của Alfred Hitchcok năm 1960, ảnh cuối của phim cho thấy Anthony Perkins ngồi ở nhà tù, nhếch miệng cười vu vơ, trong khi có con ruồi đậu trên trán. Khi xem hình ảnh này ta chợt nghĩ ra thế nào là mới đúng là nụ cười ruồi. Cười ruồi có nghĩa cũng như trường hợp

cười trừ hoặc *cười lạt*. Cười ruồi tự nó không có nghĩa rõ ràng, con ruồi tiếng nôm 蝇 Unicode là U+272C6, hán ngữ là *thương dăng* 蒼蠅, danh từ ruồi ghép vào chữ cười chỉ có thể để tượng hình, cũng như cười trừ, cười ruồi để chỉ một nụ cười cho qua chuyện một tác động hay lời lẽ sai. Viết như thế cũng không hoàn toàn đúng.

Nghĩ sâu xa thì cười ruồi có dạng triết học, tỷ như hình ảnh Anthony Perkins kể trên đây. Bởi khi *ký hình* con bọ hai cánh này vào động từ cười, mà chỉ động từ cừời ruồi mà thôi, thì ta liên tưởng tới thiên hình vạn trạng nghĩa của cười ruồi. Ta có thể có rất nhiều dạng cười cho cả đến *cười đưa đà*, nhưng từ vựng cười ruồi thật độc nhất vô nhị trong văn học dân gian. Nhiều khi ta nghĩ cười ruồi cũng được xem là cười vẩn vơ, vì không biết mình cười chuyện gì. Buồn một mình rồi cũng cười ruồi. Không phải mình người Việt thì khen tiếng Việt, như thường nghĩ *cười hở lợi*, thì diễn ra ngoại ngữ như thế nào! Đây cũng thế, phải hiểu cười hở lợi theo nghĩa bóng nhiều hơn là nghĩa đen.

Người Trung hoa đem *mỏ chim* vào tiếng cười, chuỷ 嘴 *zuǐ. Đa chuỷ* 多嘴 là lắm mồm. *Liệt chủy đại tiếu* 咧嘴大笑 là nhếch mép cười lớn; *liệt* là nhếch mép. Chim thì còn hiểu vì chim có biết ca. biết hát, biết nói như mấy con nhồng con sáo. Nhưng sao cổ nhân hay dân gian lại đưa con ruồi vào vòng hỉ nộ? Nghĩ mà ấm ức cho con ruồi.

Và cũng ấm ức cho tiếng *cười giả lả* hoặc *cười gãy ghế*. Cụ Hồ biểu Chánh năm 1935 viết truyện *Cười gượng*[1], trang cuối có đoạn: Diệm Xuân thấy cô Hảo được phu thê tái hội, được thân phận vẻ vang cô nghĩ lại phần cô thì cô *tức tửi* (tưởi) hết sức rồi cô phải *gượng cười* và nói gương bể mà ráp lại lành xưa nay ít có. Hồ tiên sinh chỉ viết có một đoạn kết trong chuyện dài 93 trang mà đưa chúng ta đến thực trạng tức tửi và cười gượng.

---

[1] Cười gượng Hồ biểu Chánh 1935. Ở trang đầu có đoạn: *Đặng thị Hảo ở nhà một mình, cô buồn nên nằm trên võng đưa cọt-kẹt, mặt buồn hiu. Tuy cô là con nhà nghèo, thường ngày phải nấu cơm, xách nước, bửa củi, quét nhà, đến mùa làm ruộng lại còn phải phụ với mẹ mà cấy gặt, song cô đã sẵn có dung nhan tuấn tú, nước da trắng đỏ, cặp mắt sáng ngời, gò má như miếng bầu, chơn mày như bán nguyệt, bàn tay dịu nhĩu mà ngón lại thon như mũi viết, mái tóc đen thui mà hơi quăn như dợn sóng, tướng đi yểu điệu, tiếng nói trong ngần, bởi vậy đầu cô lam lũ mà sắc cô không phai, hết thảy đờn bà trong làng ai cũng trầm trồ khen cô là gái đẹp*. Hảo bị Tú tài Xương con nhà giàu lừa đảo lấy mất trinh và thai nghén, nên phải bỏ xứ lên Sài Gòn. Rồi Hảo được Hương Sư giúp đỡ, lại trúng số và làm ăn khá giả trong khi đó nhà ba má Tú tài Xương khánh tận. Hảo về làng mua lại hết sự nghiệp đất đai của nhà Tú tài Xương, sau đó tội nghiệp và thương hai đứa con, nên tái hồi cùng Tú tài Xương. Chuyện có hậu.

Trong suốt 3254 câu thơ của truyện Kiều, Kim Trọng và Thúy Kiều không hề cười với nhau một lần. Thúy Kiều thanh lâu hai lượt thanh y hai lần, tái hồi kim Trọng nhưng không một lần cười cợt với nhau, dù *động phòng dìu dặt chén mồi, bâng khuâng duyên mới ngập mùi tình xưa*. Thật không sảng khoái tí nào, tuy *khi chén rượu khi cuộc cờ, khi xem hoa nở khi chờ trăng lên*. Đọc tình truyện Kim Trọng Thúy Kiều mà tình cảm chịu không mưa. Thật nó quá tiểu thuyết.

Lần độc nhất Kiều cười là với Từ Hải:
Cùng nhau trông mặt cả cười
Dang tay về chốn trướng mai tự tình
Còn anh hùng Từ Hải: *Cười rằng tri kỷ trước sau mấy người.*
Hoạn Thư thì: *Ra vào một mực nói cười như không*. Và còn: *Đã dơ bụng nghĩ lại bia miệng cười / Bên ngoài thơn thớt nói cười / Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm / cười cười nói nói ngọt ngào.*

Trong các cười trên đây vẫn thiếu một cái *cười ha hả*, gặp cái *cả cười* của Từ Hải mới sảng sốt mà sảng khoái và mãn nguyện đôi chút. Tôi vẫn nghĩ chuyện tình giữa Từ Hải và Thúy Kiều là một chuyện tình đẹp trong Kim Kiều truyện, *trang trải* được hết mọi ý thức tinh thần và nhục chất. Rồi Nguyễn Du để Kiều oanh vàng thỏ thẻ, một nam nhân *chọc trời khuấy nước mặc đầu, dọc ngang nào biết trên đầu có ai* mắc mưu ra hàng Hồ tôn Hiến. Từ Hải và Kiều có duyên gặp nhau nhưng rồi Kiều chỉ là một cái nghiệp lớn làm cho Từ Hải chết đứng. Không những thế, Kiều lại còn là cái hận cho Từ, Kiều chấp nhận hầu rượu Hồ già và đàn ca giúp vui ăn mừng thắng trận.

Cười hoặc tiếng cười là một *phản xạ có điều kiện* của loài người, là hành động thể hiện trạng thái cảm xúc: thoải mái, vui mừng, đồng thuận, mỉa mai, chê bai, và là một loại ngôn ngữ cơ thể thường được dùng như một cách gián tiếp, xã giao thường ngày giữa người với người[2].

Khi cười não bộ tiết ra endorphine và làm giảm hormone cortisone và epinephrine. *Một nụ cười bằng 10 thang thuốc* là như thế. Nhiều nghiên cứu khoa học cho biết trẻ em cười hơn 300 lần mỗi ngày, người lớn thì chỉ cười 150 lần mà thôi. Endorphine là loại thuốc phiện tự nhiên, một hóa chất sản sinh ra để giảm căng thẳng trí óc và tăng cảm giác

[2] Wikipedia

thỏa mãn. Cười cũng đem theo hormone dopamine của hệ thần kinh. Beta-endorphine kích thích dòng chảy giao cảm trung ương tại não bộ, nghiên cứu cho thấy Beta-endorphine làm tăng nồng độ plasma epinephrine, norepinephrine va dopamine trong huyết tương. Các chất này được xem là chất dẫn truyền thần kinh *neurotransmitter* và là sứ giả hóa học trong cơ thể, chúng truyền tín hiệu từ các tế bào thần kinh đến các tế bào đích *target cells*, nằm trong cơ, tuyến hay các dây thần kinh khác. Thường gọi, tất cả đó là một *cocktail* cười có thể đem lại cho chúng ta, gồm các hóa chất *endorphins, seretonin, dopramine và adrenaline*.

Theo các chứng minh khoa học *cười đem tới giảm đau*. Ví dụ seretonin hoạt động tương tự như endorphin, hỗ trợ và kiểm soát các cơn đau *pain control*. Truy cập vào các hệ thống thần kinh trung ương và ngoại vi, seretonin nhạy cảm với các tín hiệu do các mô bị viêm *inflamed tisus*, gửi đến hệ thống thần kinh. Tế bào thần kinh từ thân não cũng giúp thay đổi về nhận thức các cơn đau. Seretonin được tìm thấy trong chức năng sinh dục *genitourinary function* và hệ thống sinh sản. Nó tăng cường chức năng sinh dục bằng cách kéo dài thời gian xuất tinh và trì hoãn cực khoái của đàn ông.

Seretonin ảnh hưởng đến hầu hết mọi hệ thống trong cơ thể và đặc biệt có liên quan đến các *ca sỹ biểu diễn* vì nó ảnh hưởng đến hệ tim mạch thần kinh tiêu hóa và hô hấp. Đối với ca sỹ mức độ cao seretonin có lợi trong quá trình biểu diễn do khả năng kiểm soát và điều chỉnh trong cơ thể, nó có thể giúp cơ thể duy trì trạng thái bình thường trong lúc ca diễn[3].

Dopamine là một chất dẫn truyền thần kinh được chính thức xác định vào những năm 1950. Khi dopamine ban đầu được phát hiện, nó được cho là hoạt động như một chất chuyển đổi tyrosine, một axit amin được các tế bào sử dụng để tạo ra protein, thành adrenaline và noradrenaline. Năm 1957, phát hiện ra rằng dopamine là chất dẫn truyền thần kinh, không phải là chất trung gian trong quá trình tổng hợp adrenaline và noradrenaline. Tuy chỉ có 1% tế bào thần kinh trong não, nó có tác dụng rộng rãi trong cơ thể. Nó có thể làm thay đổi cơ thể cả về thể chất và hành vi.

Adrenaline, còn được gọi là epinephrine, vừa là một *hormone* vừa là một *chất dẫn truyền thần kinh*. Khi được trình bày dưới dạng một hormone, adrenaline được sản xuất bởi

---

[3] Belinda Paige. The Effects of Endorphins, Serotonin, Dopamine, and Adrenaline on the Performing singer. https://repository.asu.edu/attachments/150453/content/Paige_asu_0010E_14680.pdf

tuyến thượng thận, nằm trên đầu thận và adrenaline được gửi qua máu đến các cơ quan khác nhau. Khi được giải phóng, nó liên kết với các thụ thể trên các cơ quan và tạo ra các hiệu ứng khác nhau trong mỗi cơ quan.

Henri Bergson[4] phân trần nghiêm khắc về tiếng cười: Không có hỉ kịch nào ngoài những gì chỉ có ở con người *Il n'y a pas de comique en dehors de ce qui est proprement humain*. Cảnh quan không bao giờ là đáng cười. Một con vật thật đáng cười khi ta bắt gặp thái độ hoặc biểu hiện con người trong nó.

Tiếng cười luôn đi kèm với sự *nhẫn tâm hoặc thờ ơ*: đó là sự vô cảm nhất thời của trái tim, trong đó cảm xúc hay tình cảm bị gạt sang một bên; để dành cho trí tuệ thuần túy.

Tiếng cười có lập luận xã hội: phải đáp ứng những yêu cầu nhất định của sinh hoạt cộng đồng, tiếng cười thuỷ chung chỉ là tiếng cười của *tập thể*. Chuyện cười có, là khi nhân vật tự động đi theo con đường của mình mà không đam tâm việc tiếp xúc với người khác. Tiếng cười ở đó, để điều chỉnh sự phân tâm của anh ta và đưa anh ta ra khỏi giấc mơ của mình. Luôn luôn có một chút sỉ nhục đối với người bị là đối tượng của tiếng cười, tiếng cười thực sự là một kiểu lăng nhục xã hội. Kết quả là, theo Bergson, hỉ kịch sẽ ra đời, khi những người đàn ông tụ tập thành nhóm, họ sẽ tập trung chú ý của họ đến một cá nhân trong nhóm, giữ im lặng cảm tính của mình, chỉ thể hiện trí tuệ duy nhất của họ.

Bergson đưa ra luận đề, hỉ sự hay chuyện cười là mọi an bài của hành vi và sự kiện, cái này chèn vào cái kia, mang lại cho chúng ta ảo ảnh về cuộc sống và cảm giác rõ ràng về một trang trí cơ giới, *l'illusion de la vie et la sensation nette d'un agencement mécanique*.

Tiếng cười trước hết, là một sự sửa sai, một chỉnh sửa. Cười được tạo ra để làm bẽ mặt, nó phải gây một ấn tượng đau đớn cho người là đối tượng. Xã hội trả thù thông qua anh ta vì những quyền tự do đã bị tước đoạt. Cười sẽ không đạt được mục tiêu nếu cười mang dấu ấn của thông cảm hoặc độ lượng.

Tiếng cười trừng phạt một vài lỗi lầm tương tự như bệnh tật trừng phạt những thái quá. Nói thẳng ra người ta có thể cho rằng, tiếng cười ẩn chứa một động cơ hiểu biết thầm kín, hầu như sự đồng lõa, của những kẻ cười khác, thực hay tưởng tượng.

[4] Le rire, Henri Bergson. Henri-Louis Bergson 1859 - 1941 là nhà triết học người Pháp gốc Do Thái, người có ảnh hưởng trong truyền thống triết học lục địa, đặc biệt là trong nửa đầu thế kỷ 20 cho đến Chiến tranh thế giới thứ hai. Nobel Văn học 1927.

Một số triết gia đã định nghĩa con người là một con vật có thể cười. Họ cũng có thể đã định nghĩa người là một con vật làm ta cười, vì nếu một số con vật khác thành công trong việc đó, là bởi vì có gì giống với con người, theo dáng dấp con người in trên nó, hoặc bởi vì người sử dụng nó.

Luận điểm của Bergson cho rằng nguyên nhân gây ra tiếng cười chính là lớp mạ của cơ học lên các sinh vật. Ở đó, tiếng cười được coi như một sự trừng phạt của xã hội đối với những người buông thả bản thân, đi đến sự cứng nhắc và quên đi sự linh hoạt đòi hỏi của cuộc sống.

Phân tích trên của Bergson cho thấy cái cười tập thể, chủ động và thụ động đều là con người và phạm vi hoạt động cũng là của con người. Ông cho hỉ sự là một ảo ảnh, là an bài của hành vi và sự kiện và cười bao giờ cũng có mỉa mai trên đối tượng bị cười. Cười là trừng phạt của xã hội, là lớp mạ của cơ học trên sinh vật. Có thể nhận xét của Bergson là ở trong hoạt cảnh của đầu thế kỷ 20, nó không có cái nhìn hiền triết về cười. Cười cách chế giễu của Bergson không hiểu được cười hôm nay là một liệu thuốc, khi cười đem đến những hóa chất dẫn truyền thần kinh làm cơ thể con người , dưới đủ các dạng, có được sảng khoái và an lành.

Chữ Tiếu là cười trong tiếng Trung cũng nhắc đến chữ tiếu trong *hủ tiếu*, một tên quen thuộc của ẩm thực. Tất nhiên hai chữ kiểu này không có liên quan với nhau. Hủ tiếu là món ăn của người Triều Châu và Phúc Kiến do nhóm Vương Ngạn Địch đưa đến Mỹ Tho vào nửa cuối thế kỷ 17 và nhanh chóng phổ biến ra các tỉnh Nam Kỳ Lục Tỉnh.

Sách chép hủ tiếu có từ nguyên *Kuy teav* hay *kway teow* (tiếng Khmer: គុយទាវ) là một loại phở Campuchia, mà từ kway teow bắt nguồn từ từ tiếng Trung Triều châu Teochew 粿條 phiên âm là *guǒtiáo* và dùng để chỉ sợi mì cắt làm từ bột gạo hạt dài. Hán Việt là *quả điều,* quả là thức ăn làm từ bột gạo, điều là sợi dài sợi mì. Theo Wiki, *guǒtiáo* đọc *gwo*^{2} *tiu*^{4} trong tiếng Quảng, *guê*^{2} *diao*^{5} / *guê*^{2} *diou*^{5} trong thổ ngữ Triều châu và *ké-tiâu* / *kóe-tiâu* / *kér-tiâu* tiếng Phúc kiến. Di dân nói chung đến Nam bộ, ở phố Chợ lớn phần lớn người Trung dân Quảng Châu, Triều Châu và Phúc Kiến. Từ những cách phát âm trên khi đến lỗ nhĩ người việt thì trở thành hủ tiếu.

Đọc Hán văn quan thoại ta có 5 âm, Âm đầu tiên: ma1 hoặc *mā*, Giai điệu thứ hai: ma2 hoặc *má*. Âm thứ ba: ma3 hoặc *mǎ*. Giai điệu thứ tư: ma4 hoặc *mà.* Âm thứ 5 là giai điệu trung tính trong tiếng quan thoại. Nó không được coi là một âm riêng biệt, nhưng nó là

một âm tiết không có trọng âm. Các âm Quảng châu, Triều châu, Phúc kiến trình bày trên đây với các số hiệu, có thể đọc theo các dạng đọc âm điệu của quan thoại.

Không giống như tiếng Việt, tiếng Thái, tiếng Quan Thoại và tiếng Quảng Đông, tiếng Nhật không phải là một ngôn ngữ có thanh điệu. Người nói tiếng Nhật có thể hình thành các ý nghĩa khác nhau với sự phân biệt cao hay thấp trong cách truyền âm của họ mà không cần có một âm nhất định cho mỗi âm tiết. Tiếng Nhật có thể dễ học hơn đối ngoại các ngôn ngữ Á châu khác.

Dưới đây là một số thuật ngữ *tiếu* của người Trung:

調笑 *điều tiếu*, điều là thích hợp.

鄙笑 *bỉ tiếu*, cười khinh rẻ bị là khinh rẻ coi thường.

乾笑 *can tiếu*, cười khan, cười gượng, cười một cách miễn cưỡng, can là khô ráo đối với thấp, diễn qua ngoại ngữ là rire gourmand, sourire ironique, rire à contrecœur.

再笑 *tái tiếu*, cười một lần nữa; tái tiếu 再醮 để chỉ đàn *bà tái* giá, lấy chồng lần thứ hai.

取笑 *thủ tiếu*, rước tiếng cười chê, Đùa cợt, hí lộng, thủ là lấy hay cầm lấy

笑容 *tiếu dong*, vẻ mặt tươi cười, dong đây là vẻ mặt diện mạo, như trong hình dong.

笑靨 *tiếu yếp*, lúm đồng tiền (trên má khi cười), yếp là lúm đồng tiền trên má.

哭笑不得 *khốc tiếu bất đắc*, dở khóc dở cười.

笑吟吟 *tiếu ngâm ngâm*, vẻ cười cười, mỉm cười.

Và để kết, 一笑千金 *nhất tiếu thiên kim*, một nụ cười đáng giá ngàn vàng, và ngâm nga với Tô Thức 蘇軾: *Dã đào hàm tiếu trúc li đoản* 野桃含笑竹籬短 Hoa đào mọc ở đồng hàm tiếu, bờ rào trúc thấp ngắn. (Tân thành đạo trung 新城道中)

Bất tiếu Nguyễn Quốc Bảo

06 Janvier 2021

Ngày giáp dần tháng mậu tý năm canh tý